

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 115/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 8 - 2024

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đinh Thị Bích Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Dậu và ông Đặng Quang Hoạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thái Hào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 717/2024/TLST - HNGĐ ngày 15/7/2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vòng Chay S, sinh năm 1962

- Bị đơn: Bà Dương Lộc M, sinh năm 1963

Cùng cư trú: Tổ I, ấp C, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông S, bà M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn ông V Chay Sản trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Vòng Chay S và bà Dương Lộc M kết hôn tự nguyện và ngày 10/4/1987 được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng khoảng 10 năm nay, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường to tiếng xúc phạm nhau, từ tháng 3/2024 đến nay vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau, ông S đã tìm nhiều biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay ông S yêu cầu được ly hôn với bà Dương Lộc M.

Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung gồm: Vòng Hồng Phụng, sinh năm 1989; Vòng Hồng T, sinh năm 1990; Vòng Hồng L, sinh năm 1992; Vòng

Hồng T1, sinh năm 1994 và Vòng Hồng M1, sinh năm 1996. Các con hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông S khai không có.

Theo bản tự khai và lời khai của bị đơn bà Dương Lộc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Lộc M và ông Vòng C Sấn kết hôn tự nguyện và ngày 10/4/1987 được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng khoảng 10 năm nay, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xúc phạm nhau, thậm chí có lần ông S còn đánh bà M nhưng không gây thương tích, bà M không có chứng cứ và cũng không yêu cầu xử lý việc ông S đánh bà, mâu thuẫn vợ chồng đã được bà M tìm nhiều biện pháp hàn gắn nhưng không có kết quả, từ tháng 3/2024 đến nay vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà M không còn tình cảm với ông S nhưng vì vợ chồng đã lớn tuổi và sợ ảnh hưởng đến công việc, danh dự của các con nên bà M không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông S.

Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung gồm: Vòng Hồng Phụng, sinh năm 1989; Vòng Hồng T, sinh năm 1990; Vòng Hồng L, sinh năm 1992; Vòng Hồng T1, sinh năm 1994 và Vòng Hồng M1, sinh năm 1996. Các con đã thành niên và có khả năng lao động nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà M khai không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ, Hội đồng xét xử đúng quy định bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S; Con chung: Các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết; Tài sản chung: Ông S, bà M không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: Ông S, bà M khai không có. Ông S được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (BL 47, 49). Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vòng Chay S và bà Dương Lộc M kết hôn không vi phạm điều kiện kết hôn và ngày 10/4/1987 được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Ông S và bà M cùng thừa nhận: Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng khoảng 10 năm nay, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xúc

phạm nhau, từ tháng 3/2024 đến nay vợ chồng đã sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau, ông S và bà M đã tìm nhiều biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nhưng đều không có kết quả; bà M không đồng ý ly hôn nhưng bà cũng không có biện pháp để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng; mặt khác bà M còn cho rằng vợ chồng đã lớn tuổi, bà sợ ảnh hưởng đến công việc, danh dự của các con nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông S và bà M ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông S xin ly hôn với bà M là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Các con là Vòng Hồng P, sinh năm 1989; Vòng Hồng T, sinh năm 1990; Vòng Hồng L, sinh năm 1992; Vòng Hồng T1, sinh năm 1994 và Vòng Hồng M1, sinh năm 1996 đã thành niên và có khả năng lao động; ông S và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông S và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông S và bà M khai không có.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng nhưng do ông S là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên ông S được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Xử cho ông V Chay Sấn và bà Dương Lộc M ly hôn.

- Về con chung: Các con là Vòng Hồng P, sinh năm 1989; Vòng Hồng T, sinh năm 1990; Vòng Hồng L, sinh năm 1992; Vòng Hồng T1, sinh năm 1994 và Vòng Hồng M1, sinh năm 1996 đã thành niên và có khả năng lao động nên ông S và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Vòng Chay S và bà Dương Lộc M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Vòng Chay S và bà Dương Lộc M khai không có.

- Về án phí: Ông S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THA DS cùng cấp;
- UBND phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (GCNKH ngày 10/4/1987);
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Bích Liễu